TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 53/2023/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 06 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: thôn J, xã I, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Nguyễn Văn K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 (một) con chung chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc Kiều V, sinh ngày 13/10/2021.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được phép ngăn cản người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, gặp gỡ, chăm sóc và giáo dục con chung.

Ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Kiều V với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Bằng chữ: một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều M phải chịu 75.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị Kiều M đã nộp theo biên lai số 0013673 ngày 24/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kiều M số tiền 225.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn K phải chịu 75.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Xô